

Số: 1017/CTr-SYT

Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
của Sở Y tế Đồng Nai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu
lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 10/12/2020 của Tỉnh uỷ Đồng Nai Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 10/12/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 13/06/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định tổ chức và hoạt động của Sở Y tế Đồng Nai;

Thực hiện Văn bản số 15872/UBND-THNC ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về việc xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025, Sở Y tế xây dựng Chương trình hành động tổ chức thực hiện Nghị quyết cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và thực hiện đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025, Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025 trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phù hợp với tình hình thực tế của ngành, của đơn vị nhằm đảm bảo đạt các mục tiêu đề ra, góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh giai đoạn 2020-2025.

Xác định nhiệm vụ trọng tâm của ngành y tế, phối hợp với các đơn vị liên quan để hỗ trợ và tạo thuận lợi cho lĩnh vực y tế phát triển một cách công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế.

2. Yêu cầu

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025, Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025 trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025 phải được tiến hành thường xuyên, thông qua các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều

kiện thực tế của ngành, các đơn vị và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết hàng năm để kịp thời đề ra những giải pháp phù hợp đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Giảm tỷ lệ mắc và tử vong do bệnh, dịch bệnh, góp phần tăng tuổi thọ, nâng cao các chỉ số sức khỏe cơ bản của người dân. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế, tạo nền tảng vững chắc để phát triển hệ thống y tế công bằng, hiệu quả, chất lượng và bền vững, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện bao phủ CSSK toàn dân; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận với các dịch vụ CSSK cơ bản có chất lượng. Không để dịch bệnh lớn xảy ra; từng bước kiểm soát các yếu tố có hại đến sức khỏe liên quan đến môi trường, an toàn thực phẩm, lối sống và hành vi của người dân.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế; bảo đảm sự phối hợp, kết nối và lồng ghép giữa các tuyến, giữa dịch vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng và dịch vụ phòng bệnh; giảm tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến trên; phát huy vai trò của các trung tâm y tế chuyên sâu, y tế kỹ thuật cao trong việc chuyển giao kỹ thuật và hỗ trợ chuyên môn cho toàn mạng lưới cung ứng dịch vụ; hiện đại hóa và phát triển y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại.

- Duy trì mức sinh thấp hợp lý; khống chế tốc độ tăng nhanh tỷ số giới tính khi sinh; giảm dị tật và bệnh bẩm sinh, góp phần nâng cao chất lượng dân số; đáp ứng đủ nhu cầu dịch vụ KHHGD của người dân; tăng khả năng tiếp cận dịch vụ CSSKSS có chất lượng. Bảo đảm cân đối hợp lý trong phân bổ, sử dụng nguồn nhân lực y tế giữa các vùng, các tuyến, giữa đào tạo và sử dụng nhân lực y tế.

- Phát triển BHYT toàn dân, nâng cao hiệu quả trong phân bổ và sử dụng ngân sách. Phát triển cơ sở hạ tầng y tế; phát triển y tế ở vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa và hỗ trợ cho người nghèo các đối tượng chính sách trong KCB.

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, máu, chế phẩm máu và TTBYT có chất lượng với giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân; quản lý, sử dụng thuốc và TTB hợp lý, an toàn và hiệu quả.

- Nâng cao năng lực quản lý và năng lực thực hiện chính sách y tế, đẩy mạnh cải cách hành chính để đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển ngành y tế trong giai đoạn mới. Củng cố và hoàn thiện tổ chức mạng lưới ngành y tế các tuyến, thu gọn đầu mối để nâng cao hiệu quả hoạt động, đầu tư.

3. Các chỉ tiêu y tế đến năm 2025

Các phụ lục đính kèm:

Phụ lục 1: Các chỉ tiêu y tế đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025.

Phụ lục 2: Các chỉ tiêu y tế cơ bản còn lại thực hiện đến năm 2025.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

Tăng cường sự lãnh đạo của chính quyền, đặc biệt là ở cơ sở, phải xác định nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân là một nhiệm vụ chính trị quan trọng của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và tổ chức chính trị - xã hội. Thống nhất nhận thức, quyết tâm hành động của cả hệ thống chính trị trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Phối hợp với các cấp, các ngành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội thông qua các chỉ tiêu về y tế và các chỉ tiêu ảnh hưởng đến sức khỏe như môi trường, thể dục, thể thao, văn hoá... Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chế độ, chính sách về y tế và các lĩnh vực liên quan tới sức khỏe.

Kiên toàn các Ban Chỉ đạo, đẩy mạnh phối hợp liên ngành, phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng theo chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, trước hết là trong bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, rèn luyện thân thể, xây dựng nếp sống văn minh, thực hiện các quy định về phòng dịch, phòng và chữa bệnh.

Đổi mới, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, truyền thông giáo dục sức khỏe, phổ biến sâu rộng Nghị quyết, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng, từng khu vực để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của hệ thống chính trị xã hội về y tế nhằm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của người dân về chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch bệnh; tạo lối sống lành mạnh trong nhân dân, bảo đảm tốt vệ sinh môi trường, vệ sinh lao động, VSATTP... Đẩy mạnh phong trào thi đua, các cuộc vận động có các nội dung, tiêu chí liên quan tới công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe để giảm tỷ lệ tử vong, giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe. Phát huy vai trò giám sát của nhân dân, tạo các điều kiện thuận lợi để huy động các tổ chức xã hội, tôn giáo tham gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Nâng cao sức khỏe nhân dân

Tập trung xây dựng, triển khai thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình về nâng cao sức khỏe và tâm vóc người dân trong tỉnh: Thực hiện tốt Kế hoạch

hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; đặc biệt là bổ sung vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú và trẻ em, người cao tuổi.

Xây dựng kế hoạch thực hiện các quy định về hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, Kế hoạch kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc.

Thực hiện tốt quy chế bệnh viện về công tác dinh dưỡng tại các bệnh viện/trung tâm y tế có giường bệnh nhằm chăm sóc, giúp người bệnh có chế độ dinh dưỡng phù hợp trong quá trình điều trị bệnh và hướng dẫn chế độ ăn hợp lý sau khi bệnh nhân xuất viện.

Tập trung triển khai thực hiện nâng cao sức khỏe nhân dân gắn với các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội với những nội dung chủ yếu như sau: Đẩy mạnh tuyên truyền về tác động xấu từ ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu tới sức khỏe; vận động thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phối hợp với các ngành xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2018-2020 và tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch, bảo đảm người dân được sử dụng nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh, xử lý chất thải; Xây dựng Đề án phòng, chống dịch, bệnh do biến đổi khí hậu gây ra.

Tăng cường tuyên truyền, vận động xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh, vệ sinh, có ý thức bảo vệ môi trường; xóa bỏ các tập tục lạc hậu ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.

Phối hợp với các ngành đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, phát triển các câu lạc bộ thể dục, thể thao, dưỡng sinh, rèn luyện sức khỏe cho mọi người dân.

Tập trung chỉ đạo công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy. Thực hiện các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ bệnh, tật và các tác hại sức khỏe liên quan đến rượu, bia, thuốc lá và các chất kích thích.

3. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở

Hoàn chỉnh hệ thống tổ chức ngăn ngừa và giảm thiểu những tác động của bệnh dịch nguy hiểm; phát hiện sớm dịch bệnh; minh bạch thông tin và chia sẻ với các tỉnh trong khu vực nhằm đáp ứng có hiệu quả với các dịch bệnh trên người và động vật.

Xây dựng Kế hoạch phòng, chống dịch, bệnh chủ động. Tăng cường công tác dự báo, giám sát, phát hiện, khống chế, ngăn chặn kịp thời các bệnh dịch và không để dịch lớn xảy ra; ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp, các sự cố môi trường có nguy cơ gây ra dịch bệnh hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe Nhân dân.

Xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống tiêm chủng. Tạo điều kiện để mọi người dân được tiếp cận các vắc xin thế hệ mới để bảo vệ sức khỏe; từng

bước bổ sung vắc xin có hiệu quả cao cho tiêm chủng mở rộng theo lộ trình của Bộ Y tế.

Thực hiện Kế hoạch về việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và Đề án Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020, để hoàn thành tốt các mục tiêu trong công tác phòng, chống HIV/AIDS. Thực hiện các chương trình phòng, chống bệnh lao, phong, bệnh sốt rét, các bệnh truyền nhiễm ở trẻ em... và các mục tiêu sức khỏe trong mục tiêu phát triển bền vững theo hướng tăng nguồn lực của địa phương và tăng cường vận động, thu hút các nguồn lực hợp pháp khác.

Thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng quản lý, dự phòng và điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính. Tập trung triển khai đồng bộ, mạnh mẽ các hoạt động phòng, chống các bệnh không lây nhiễm; tăng cường công tác dự phòng, nâng cao năng lực sàng lọc, phát hiện sớm và kiểm soát bệnh tật; đẩy mạnh quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính cần phải chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Ưu tiên khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật, người bị ảnh hưởng bởi hậu quả của chiến tranh và các đối tượng ưu tiên.

Xây dựng Đề án hệ thống công nghệ thông tin tập trung trong quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình phòng bệnh, từng bước quản lý và theo dõi tình hình dịch bệnh trên địa bàn để kịp thời phòng, chống.

Tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của các trạm y tế xã, phường, thị trấn. Đầu tư các nguồn lực và nâng cao năng lực hoạt động của y tế tuyến xã để các cơ sở y tế tuyến xã thực hiện vai trò tuyến đầu và thực sự là nơi lựa chọn đầu tiên khi người dân cần đến phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Xác định vai trò quan trọng của y tế cơ sở là tuyến cơ bản và gần dân nhất có vai trò quan trọng trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân. Kết nối y tế cơ sở với bác sĩ gia đình, các phòng khám tư nhân, phòng chẩn trị đông y và các tổ chức/cá nhân khi tổ chức khám bệnh nhân đạo.

Xây dựng hệ thống quản lý bệnh án điện tử tập trung và triển khai sổ sức khỏe điện tử đến từng người dân. Thực hiện cập nhật các thông tin, chỉ số sức khỏe khi đi khám sức khỏe, chữa bệnh của người dân trên hệ thống dữ liệu điện tử. Từng bước tiến tới mọi người dân đều được theo dõi, quản lý sức khỏe, khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ.

Triển khai phát triển mô hình y học gia đình, trong đó có mô hình bác sĩ gia đình và các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật.

4. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục căn bản tình trạng quá tải bệnh viện; bảo đảm an ninh, trật tự tại các bệnh viện, cơ sở y tế

Tăng cường hoạt động phòng chống ung thư, tim mạch, ung bướu của Bệnh viện đa khoa tỉnh nhằm hạn chế tối đa tình trạng chuyển lên tuyến trên trong chẩn đoán và điều trị.

Tiếp tục phát triển các kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu và tăng cường hoạt động điều trị của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai, Bệnh viện đa khoa Thống Nhất và Bệnh viện Nhi đồng. Phát triển Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh thành bệnh viện hạng một của tỉnh.

Tiếp tục hoàn chỉnh đề án Bệnh viện đa khoa Đồng Nai, Bệnh viện đa khoa Thống Nhất và Bệnh viện Nhi đồng là Bệnh viện vệ tinh của các Bệnh viện ở TP. HCM như các bệnh viện: Chợ Rẫy, Ung Bướu, Nhi đồng 2, Từ Dũ... Phát triển các bệnh viện chuyên khoa: Bệnh viện Phổi, Da liễu, Y dược cổ truyền là bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện tuyến trên.

Triển khai mô hình Khoa vệ tinh của bệnh viện đa khoa tỉnh tại các bệnh viện/trung tâm y tế tuyến huyện.

Phát triển Bệnh viện Y học Cổ truyền nhằm hạn chế tối đa tình trạng chuyển lên tuyến trên. Hoàn chỉnh mạng lưới các khoa y học cổ truyền tại các bệnh viện/trung tâm y tế tuyến huyện. Xây dựng và thực hiện chương trình phát triển y học cổ truyền, kết hợp chặt chẽ giữa y học cổ truyền với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng và nâng cao sức khỏe nhân dân giữa các cơ sở y tế với nhau và ngay trong từng cơ sở y tế.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động kết hợp quân dân y trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Phát huy thế mạnh y tế của lực lượng vũ trang; tăng cường các hoạt động kết hợp quân dân y trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; triển khai các mô hình tổ chức linh hoạt, phù hợp với điều kiện từng nơi để bảo đảm dịch vụ khám, chữa bệnh cho người dân vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Tăng cường khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách.

Triển khai công tác bảo đảm an ninh y tế, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và trách nhiệm bảo đảm an ninh y tế tại các bệnh viện, cơ sở y tế.

Xây dựng hệ thống phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị áp dụng cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

Sử dụng bộ tiêu chí đánh giá, thực hiện kiểm định độc lập, xếp hạng bệnh viện phù hợp với quy định.

Xây dựng Đề án thực hiện lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm giữa các cơ sở khám chữa bệnh gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ. Xây dựng mô hình khám, chữa bệnh ngày thứ bảy, chủ nhật tại bệnh viện/cơ sở y tế có giường bệnh tuyến huyện, tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Đề án 1816 của Bộ Y tế về việc cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ tuyến trên về hỗ trợ các cơ sở y tế tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh. Xây dựng Đề án thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi triển khai các dịch vụ kỹ thuật mới phải đảm bảo có đủ năng lực và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt trước khi thực hiện. Phát triển đồng bộ, tạo môi trường bình đẳng cả về hỗ trợ, chuyên gia chuyên môn kỹ thuật giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công và tư.

Tiếp tục thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người bệnh và tiếp tục thực hiện kế hoạch bệnh viện Xanh sạch đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch Cải cách hành chính về khám chữa bệnh, tránh gây phiền hà cho người bệnh. Triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin từ quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế, bệnh án điện tử tới chẩn đoán, xét nghiệm, khám, chữa bệnh từ xa.

Thiết lập hệ thống Sổ sức khỏe điện tử đến từng người dân, đảm bảo mọi người dân đều được theo dõi, quản lý sức khỏe, khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ và thường xuyên cập nhật các thông tin, chỉ số sức khỏe khi đi khám sức khỏe, chữa bệnh;

Triển khai hoàn thành đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; liên thông quản lý hồ sơ sức khỏe người dân gắn với quản lý thẻ và thanh toán bảo hiểm y tế trong toàn tỉnh và kết nối liên thông toàn quốc.

Tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các cơ sở y tế trên địa bàn theo Kế hoạch số 7315/KH-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; ưu tiên đầu tư cho y tế cơ sở theo Kế hoạch 5463/KH-UBND ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh về thực hiện đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Đẩy mạnh phát triển ngành dược và cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế

Củng cố, phát triển đội ngũ cán bộ ngành dược; Rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy quản lý dược của ngành y tế. Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo liên tục cho cán bộ ngành dược.

Đảm bảo cung ứng đủ thuốc, đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm thuốc đủ về số lượng, tốt về chất lượng, giá hợp lý, khuyến khích sử dụng thuốc sản xuất trong nước. Tiếp tục phát triển công tác dược lâm sàng tại các cơ sở y tế. Nâng cao vai trò của công tác dược lâm sàng để người bệnh được dùng thuốc an toàn, hiệu quả và chi phí hợp lý nhất.

Tiếp tục duy trì công tác tổ chức bán thuốc theo đơn và chống lạm dụng thuốc kháng sinh trên địa bàn tỉnh. Nhằm hạn chế tối đa tình trạng lạm dụng

thuốc kháng sinh, từng bước cải thiện và đẩy lùi tình trạng kháng thuốc kháng sinh.

Tổ chức tốt việc đấu thầu tập trung thuốc, vật tư, hóa chất bảo đảm công khai, minh bạch, kiểm soát chặt chẽ chất lượng, chống thất thoát, lãng phí.

Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về quyền phân phối thuốc, không để các doanh nghiệp không được phép nhưng vẫn thực hiện phân phối thuốc. Tập trung quản lý hệ thống bán buôn, bán lẻ, các nhà thuốc trong và ngoài bệnh viện. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để truy xuất nguồn gốc thuốc, chấn chỉnh tình trạng bán thuốc không theo đơn. Ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện kết nối mạng, bảo đảm kiểm soát xuất xứ, giá cả thuốc được mua vào, bán ra ở mỗi nhà thuốc trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức kiểm soát chặt chẽ thực phẩm chức năng và hàng hóa có nguy cơ gây hại cho sức khỏe trên địa bàn tỉnh. Tăng cường kiểm soát chất lượng dược liệu ngoại nhập; giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn dược liệu nước ngoài. Đẩy mạnh phòng, chống buôn lậu, sản xuất kinh doanh thuốc, thực phẩm chức năng giả, kém chất lượng.

Phát triển dược liệu, nhất là các dược liệu quý hiếm; ưu tiên đầu tư và tập trung phát triển các vùng chuyên canh, hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, bảo quản, chế biến dược liệu. Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân trồng và sử dụng cây thuốc nam.

Thực hiện đầu tư, nâng cấp sửa chữa cơ sở vật chất cho các cơ sở y tế trên địa bàn gồm các dự án: Xây mới Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch, Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành (1.000 giường), Trung tâm cấp cứu 115, Trung tâm Pháp y, Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa, Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng, Bệnh viện Phụ sản, các trạm y tế xã, phường, thị trấn... Nâng cấp, sửa chữa các trung tâm y tế như: Thống Nhất, Xuân Lộc, Định Quán, Cẩm Mỹ, Long Thành, Long Khánh, Trảng Bom, Vĩnh Cửu (cơ sở 2) và các Bệnh viện: ĐKKV Long Thành, ĐKKV Định Quán, Da liễu, Phổi, Y dược cổ truyền; các trạm y tế xã, phường, thị trấn xuống cấp...

Thực hiện đầu tư mua sắm trang thiết bị để phát triển một số lĩnh vực y tế chuyên sâu, từng bước hình thành và phát triển một số trung tâm y tế hiện đại, kỹ thuật cao tại các cơ sở y tế, bao gồm các kỹ thuật như: sản phụ khoa, tập trung vào chẩn đoán trước sinh và hỗ trợ sinh sản; tim mạch can thiệp, tập trung vào triển khai phẫu thuật tim hở; nội soi chẩn đoán và can thiệp; phát triển chuyên sâu lĩnh vực ung bướu và y học hạt nhân; chấn thương chỉnh hình; chống nhiễm khuẩn bệnh viện; phát triển lĩnh vực sinh học phân tử và tế bào gốc; thiết bị chẩn đoán nhanh và sơ cấp cứu... và hoàn thiện mạng lưới công nghệ thông tin, quản lý toàn diện thông tin bệnh viện và thiết lập mạng lưới CNTT hỗ trợ chẩn đoán và điều trị từ xa, hệ thống lưu trữ tập trung bệnh án điện tử trên toàn tỉnh.

6. Phát triển nhân lực và khoa học – kỹ thuật về y tế

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ y tế, đặc biệt là các chuyên khoa khó thu hút cán bộ y tế vào làm việc như: lao, phong, tâm thần, giải phẫu bệnh...

Chuẩn bị đủ nhân lực cho các bệnh viện/cơ sở y tế; bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, quản lý nhà nước, rèn luyện nâng cao y đức, y nghiệp, ngoại ngữ, tin học... cho cán bộ y tế.

Thường xuyên cập nhật kiến thức y học mới, triển khai công tác đào tạo liên tục đối với đội ngũ cán bộ y tế để đáp ứng yêu cầu về y đức và chuyên môn trong điều kiện chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến trong phòng chống dịch bệnh, khám bệnh, chữa bệnh.

Tạo điều kiện để các bác sĩ chuyên khoa đầu ngành được tham dự các hội thảo khoa học về y học của khu vực, cả nước và nước ngoài.

Khuyến khích các cơ sở y tế trong tỉnh tổ chức/đăng cai tổ chức hội thảo khoa học về y học và có nhiều báo cáo khoa học trình bày tại các buổi hội thảo, có mời các chuyên gia trong khu vực, cả nước và nước ngoài tham dự.

Hàng năm xây dựng kế hoạch thu hút sinh viên y, được sau khi tốt nghiệp về công tác tại tỉnh; khuyến khích người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong...; thu hút và giữ chân được nguồn nhân lực y tế, nhất là nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao; khuyến khích phát triển nhân lực ngoài công lập. Đối với sinh viên tốt nghiệp y, được chính quy đào tạo theo địa chỉ sử dụng của tỉnh, việc phân công công tác đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch và thực hiện đúng các quy định có liên quan.

7. Đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế

Thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm nghiệm, kiểm định của cơ quan kiểm soát dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm phù hợp.

Phát huy mô hình trung tâm y tế tuyến huyện đa chức năng, bao gồm y tế dự phòng, dân số, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác. Tổ chức hệ thống trạm y tế xã, phường, thị trấn gắn với y tế học đường và phù hợp với đặc điểm của từng địa phương.

Khuyến khích phát triển mạnh mẽ hệ thống bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập, đặc biệt là các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường thanh tra, kiểm tra. Xử lý nghiêm vi phạm về lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhất là các hành vi vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, xâm hại đến nhân phẩm và sức khỏe thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ sở y tế...

8. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế tài chính y tế

Tăng cường đầu tư và đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại ngân sách nhà nước trong lĩnh vực y tế; ưu tiên dành một phần kinh phí thỏa đáng từ ngân sách tỉnh để đầu tư cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, cơ sở y tế ở vùng khó khăn.

Thực hiện nguyên tắc y tế công cộng do ngân sách nhà nước bảo đảm là chủ yếu. Khám, chữa bệnh do bảo hiểm y tế và người dân chi trả. Chăm sóc sức khỏe ban đầu do bảo hiểm y tế, người dân cùng chi trả. Triển khai thực hiện "Gói dịch vụ y tế cơ bản do bảo hiểm y tế chi trả" phù hợp với khả năng chi trả của quỹ bảo hiểm y tế và "Gói dịch vụ y tế cơ bản do nhà nước chi trả" phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước; đồng thời huy động các nguồn lực để thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe người dân.

Ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản; người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức. Có cơ chế giá dịch vụ và cơ chế đồng chi trả phù hợp nhằm khuyến khích người dân khám, chữa bệnh ở tuyến dưới và các cơ sở y tế ở tuyến trên tập trung cung cấp các dịch vụ mà tuyến dưới chưa bảo đảm được.

Thực hiện đổi mới công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh. Áp dụng mô hình quản trị đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như quản trị doanh nghiệp.

Tăng cường công tác thu hút đầu tư xã hội hóa, đầu tư theo hình thức hợp tác công tư trong cung cấp dịch vụ y tế. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác công-tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt công-tư trong cung cấp dịch vụ y tế. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế (kể cả trong chăm sóc sức khỏe ban đầu), tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu. Các cơ sở y tế, cơ sở chăm sóc người cao tuổi hoạt động không vì lợi nhuận được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

Tăng cường quản lý nhà nước, xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm phòng, chống, ngăn chặn và chấm dứt tình trạng lợi dụng chủ trương xã hội hóa để lạm dụng các nguồn lực công phục vụ các "nhóm lợi ích", tạo ra bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ y tế.

Từng bước chuyển chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho cơ sở khám, chữa bệnh sang hỗ trợ người tham gia bảo hiểm y tế gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế. Nâng cao hiệu quả quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo. Đẩy mạnh phương thức nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng và thực hiện cơ chế giá gắn với chất lượng dịch vụ, khuyến khích sử dụng dịch vụ y tế ở tuyến dưới.

Thực hiện tốt những quy định về bảo hiểm y tế toàn dân theo hướng điều chỉnh mức đóng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, thu nhập của người dân và chất lượng dịch vụ. Đa dạng các gói bảo hiểm y tế. Tăng cường liên kết, hợp tác giữa bảo hiểm y tế xã hội với bảo hiểm y tế thương mại.

Nâng cao năng lực, chất lượng giám định BHYT đảm bảo khách quan, minh bạch. Thực hiện các giải pháp đồng bộ chống lạm dụng, trục lợi, bảo đảm cân đối quỹ bảo hiểm y tế và quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế, cơ sở y tế.

9. Hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

Triển khai hợp tác và tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài chính của các nước, các tổ chức quốc tế theo chủ trương của Chính phủ, Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan. Tăng cường quản lý và phát huy hiệu quả các chương trình dự án quốc tế đã và đang hỗ trợ cho ngành y tế trong tỉnh.

Tích cực chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của các chương trình dự án quốc tế; đồng thời tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập nền y học tỉnh nhà với nền y học của các tỉnh trong khu vực và cả nước.

Xây dựng cơ chế khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực y tế; tham gia đào tạo, chuyển giao khoa học và công nghệ, kỹ thuật y tế; tăng cường quảng bá nền y học Việt Nam, đặc biệt là y học cổ truyền dân tộc ra các nước lân cận và trên thế giới; đẩy mạnh hợp tác lao động y tế và xuất khẩu dịch vụ chăm sóc sức khỏe sang các nước trong khu vực Đông Nam Á.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sở Y tế chịu trách nhiệm tổng thể trước Tỉnh uỷ, UBND tỉnh việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025. Căn cứ Chương trình hành động của ngành y tế Đồng Nai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị, tổ chức xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện hàng năm và báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ cho Sở Y tế và các cấp có thẩm quyền theo quy định.

1. Các phòng chuyên môn Sở Y tế căn cứ chức năng, nhiệm vụ:

Tham mưu Ban Giám đốc Sở Y tế chỉ đạo, đôn đốc, điều phối việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp theo chương trình hành động này, phối hợp với sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan tham mưu Ban Giám đốc xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện Chương trình hành động này trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định.

2. Các đơn vị trực thuộc:

Căn cứ chức năng, quyền hạn và các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao hàng năm, Thủ trưởng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Sở Y tế xây dựng chương trình hành động thực hiện hàng năm, giai đoạn 2021-2025 với những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị để triển khai thực hiện Chương trình hành động của Sở Y tế thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025.

Thủ trưởng, Giám đốc đơn vị cần tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp trong Chương trình hành động đề ra,

chịu trách nhiệm toàn diện trước Giám đốc Sở Y tế về việc triển khai Chương trình hành động này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Tăng cường phối hợp triển khai thực hiện giữa các đơn vị y tế, các cơ quan liên quan để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ.

Thường xuyên kiểm tra, giá sát tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình công tác đã đề ra, kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao và đề xuất các giải pháp chỉ đạo điều hành của Sở Y tế.

3. Chế độ báo cáo:

Các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ báo cáo kết quả triển khai thực hiện và khó khăn vướng mắc cần giải quyết gửi về Sở Y tế (Phòng Kế hoạch – tài chính) trước ngày 10/12 hàng năm để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Tỉnh ủy theo quy định.

Trên đây là Chương trình hành động thực hiện của Sở Y tế Đồng Nai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025./.

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Các đơn vị trực thuộc (thực hiện);
- BGĐ Sở Y tế;
- Các phòng CN, Ttra-SYT;
- Lưu: VT-KHTC.

PAnh/2021/CtrNQĐHXI tỉnh.

GIÁM ĐỐC

Phan Huy Anh Vũ

Phụ lục 1: Các chỉ tiêu đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025
(Đính kèm Chương trình số 1017/CTr-SYT ngày 03/02/2021 của Sở Y tế Đồng Nai)

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đến năm 2025
1	Dân số trung bình (năm cuối kỳ)	Nghìn người	3.320
2	Tỷ lệ tăng dân số (năm cuối kỳ)	%	1,0
4	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	<113
5	Số giường bệnh trên 10.000 dân (không bao gồm giường của TYT)	Giường	30
	- Số giường bệnh công lập trên 10.000 dân	Giường	22,5
	- Số giường bệnh tư trên 10.000 dân	Giường	7,5
6	Số bác sỹ trên 10.000 dân	Bác sỹ	10
7	Tỷ số tử vong mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ sống)	Người	<8,9
8	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	‰	<5
9	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	‰	<10
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng		
	- Cân nặng theo tuổi	%	12,0
	- Chiều cao theo tuổi	%	21,8
11	Tỷ lệ xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế	%	100
12	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	>98
13	Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sỹ làm việc	%	100
14	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95
15	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng	%	<0,3

Phụ lục 2: Các chỉ tiêu y tế cơ bản còn lại thực hiện đến năm 2025
(Đính kèm Chương trình số 1017/CTr-SYT ngày 03/2/2021 của Sở Y tế Đồng Nai)

STT	Chỉ số	Chỉ tiêu năm 2025
	Chỉ số đầu vào và quá trình	
1	Số được sỹ đại học trên 10.000 dân	2,8
3	Tỷ lệ thôn ấp có nhân viên y tế hoạt động (%)	100
4	Tỷ lệ TYT xã, phường có hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi (%)	100
	Chỉ số đầu ra và kết quả	
5	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ (%)	99
6	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 4 lần trong 3 thời kỳ	90
7	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh	98
8	Tỷ lệ bệnh nhân được khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền hoặc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại (%)	30
9	Tỷ lệ phụ nữ trong nhóm tuổi 15-49 áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại (%)	80
11	Tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh (%)	70
12	Tỷ lệ trẻ em mới sinh được sàng lọc sơ sinh (%)	80
13	Tỷ lệ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xử lý chất thải y tế đạt tiêu chuẩn (%)	100
14	Tỷ lệ người bị bệnh đái tháo đường được phát hiện (%)	70
15	Tỷ lệ người phát hiện bệnh đái tháo đường được điều trị theo hướng dẫn chuyên môn (%)	70
16	Tỷ lệ người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện ở giai đoạn sớm (%)	50
17	Tỷ lệ người phát hiện mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được điều trị theo hướng dẫn chuyên môn (%)	50
18	Tỷ lệ người mắc bệnh hen phế quản được phát hiện và điều trị ở giai đoạn sớm (%)	50
19	Tỷ lệ người bệnh hen phế quản được điều trị đạt kiểm soát hen (%)	50
20	Tỷ lệ người mắc một số bệnh ung thư được phát hiện ở giai đoạn sớm (%)	70
21	Tỷ lệ phụ nữ ở độ tuổi 30-54 tuổi được sàng lọc ung thư cổ tử cung (%)	70
22	Tỷ lệ phụ nữ trên 40 tuổi đang sàng lọc ung thư vú	50
23	Tỷ lệ người bị tăng huyết áp được phát hiện (%)	70
24	Tỷ lệ người phát hiện bị tăng huyết áp được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn (%)	70
25	Tỷ lệ người cao tuổi được chăm sóc dự phòng toàn diện, khám sức khỏe định kỳ và được điều trị khi ốm đau tại các cơ sở y tế (%)	80

26	Tỷ lệ người khuyết tật có nhu cầu được tiếp cận với dịch vụ PHCN phù hợp tại các trung tâm y tế huyện/trạm y tế xã hoặc dịch vụ chăm sóc tại nhà (%)	90
27	Tỷ lệ bệnh nhân mắc bệnh ưa chảy máu (bệnh hemophilia) được chẩn đoán và quản lý (%)	60
	Chỉ số tác động	
28	Tỷ lệ tăng dân số (%)	1
29	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi từ 15 đến 49 tuổi có hiểu biết đầy đủ về HIV/AIDS (%)	80
30	Tỷ lệ người nhiễm HIV được điều trị thuốc kháng vi rút HIV trên tổng số người nhiễm HIV đủ tiêu chuẩn điều trị (%)	80
31	Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con (%)	2
32	Tỷ lệ mắc bệnh đái tháo đường ở người 30-69 tuổi (%)	<8,0
33	Số người bị ngộ độc thực phẩm cấp tính trên 100.000 dân	<7
34	Tỷ lệ bệnh nhân mắc sốt rét trên 1.000 dân	0,07
35	Tỷ lệ tử vong do sốt rét trên 100.000 dân	<0,01
36	Tỷ lệ hiện mắc lao trên 100.000 dân	125
37	Tỷ lệ tử vong do lao trên 100.000 dân	5
38	Tỷ lệ chết/mắc do sốt xuất huyết hàng năm (%)	0,09
39	Tỷ lệ bị tăng huyết áp ở người trưởng thành (%)	30
40	Tỷ lệ hút thuốc lá (%)	
	- Thanh thiếu niên từ 15-24 tuổi	18
	- Nam giới	39
	- Nữ giới	1,4
41	Tỷ lệ thừa cân béo phì (%)	
	- Người trưởng thành	15
	- Trẻ em	10
42	Tỷ lệ phá thai (%)	15
43	Tỷ lệ mang thai ở tuổi vị thành niên (%)	3,0